

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/ HS-ST
Ngày: 20/ 9 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Xá, ông Nguyễn Khánh Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên .

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/TLST-HS, ngày 16/8/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HS ngày 06/9/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** - tên gọi khác: không - giới tính: Nam

Sinh năm 1982, tại xã M, huyện M, Lai Châu;

Trú tại: bản M, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông: Lò Văn T, sinh năm 1956 và con bà Đào Thị T, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Vàng Thị S, sinh năm 1984, nghề nghiệp: Trồng trọt, trú tại: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu;

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Không, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/6/2019 đến ngày 04/7/2019, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 19 giờ 00 phút, ngày 25/6/2019, tại khu vực cầu N, thuộc địa phận bản N, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Lò Văn T, sinh năm 1982, trú tại bản M, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu đang đi bộ đến đầu cầu N có biểu hiện nghi vấn của tội phạm ma túy nên tổ công tác tuần tra giao thông - Công an huyện M đã yêu cầu đứng lại để kiểm tra. Quá trình kiểm tra đã phát hiện và thu giữ tại túi áo ngực bên trái của T đang mặc trên người 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng bên trong vỏ thuốc lá có 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu trắng chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc. Chất nhựa dẻo này T khai là thuốc phiện đã mua của một người đàn ông dân tộc La Hủ lạ mặt ở bản N, xã N, huyện M với giá 600.000 đồng, với mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lò Văn T bị tổ công tác Công an huyện M phát hiện. Bắt quả tang, vật chứng thu giữ 01 gói thuốc phiện, 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng và 01 mảnh nilon màu trắng.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 43, ngày 25/6/2019 của người giám định tư pháp theo vụ việc - Công an huyện M đã kết luận 01 gói vật chứng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 13,87 gam và Kết luận giám định số 319/GĐ-KTHS, ngày 30/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lai Châu đã kết luận: *01 mẫu vật là chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lò Văn T là ma túy, loại Thuốc phiện.*

Cáo trạng số 40/CT-VKS-MT ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo: Lò Văn T về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 08 tháng đến 2 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo. Vật chứng vụ án đề nghị: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 11,69 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng và 01 mảnh nilon màu trắng. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đối với người đàn ông dân tộc La Hủ lạ mặt theo lời khai của Lò Văn T có mua thuốc phiện với người đàn ông này với giá 600.000 đồng, nhưng T không biết tên tuổi lai lịch người này nên cơ quan Điều tra không có cơ sở điều tra xử lý được đối tượng này.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan Điều tra. Dù cơ sở khẳng định bị cáo Lò Văn T với mục đích mua thuốc phiện về để sử dụng (Hút), bị cáo đã mua thuốc phiện với giá 600.000 đồng của người đàn ông dân tộc La Hủ lạ mặt. Tại khu vực cầu N, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/6/2019 Lò Văn T đi bộ đến đầu cầu N thì bị tổ công tác Công an huyện M phát hiện, bắt quả tang, vật chứng thu giữ là 01 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 13,87 gam.

Như vậy hành vi của bị cáo Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. tại điều luật qui định:

1. *“Người nào Tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam.

Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn T theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng hành vi bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những qui định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo đã tàng trữ thuốc phiện trong túi áo ngực bên trái của bị cáo đang mặc, giấu vào trong 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự vì vậy bị cáo phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hậu quả do hành vi mình đã thực hiện. Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để dẫn đê giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần phải xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ

học vấn lớp 03/12, do vậy nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[5] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 249 BLHS bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng 11,69 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng và 01 mảnh nilon màu trắng là vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 về án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; 260; 331; 333 và khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/6/2019 đến ngày 04/7/2019, thời hạn tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 11,69 gam thuốc phiện còn lại sau giám định, 01 vỏ bao thuốc lá Đông đô màu vàng và 01 mảnh nilon màu trắng.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND tỉnh Lai Châu
- CA huyện M - THAHS
- VKSND huyện M
- THADS huyện M
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lò Thị Chiến

